

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21/CT-TTg

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2018

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... C
	Ngày: 18/7/2018

CHỈ THỊ

Về đẩy mạnh triển khai các giải pháp nhằm giảm chi phí logistics, kết nối hiệu quả hệ thống hạ tầng giao thông

Ngày 14 tháng 02 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 200/QĐ-TTg về việc phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025. Sau hơn 01 năm thực hiện Quyết định, các cơ quan, đơn vị đã nỗ lực triển khai các nhóm nhiệm vụ trọng yếu để đạt được mục tiêu đặt ra, bước đầu đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông phát triển chưa đồng đều, thiếu đồng bộ; kết nối các phương thức vận tải chưa hiệu quả; chưa phát huy tốt các nguồn lực về hạ tầng, con người, thị trường nội địa và khu vực; các trung tâm logistics đóng vai trò kết nối Việt Nam với quốc tế chưa được đầu tư, xây dựng... dẫn đến chi phí logistics vẫn còn cao ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam.

Để giảm chi phí logistics, kết nối hiệu quả hệ thống hạ tầng giao thông phát triển dịch vụ logistics thành một ngành dịch vụ đem lại giá trị gia tăng cao, góp phần tăng sức cạnh tranh cho nền kinh tế, với mục tiêu phát triển dịch vụ logistics: đến năm 2025, tỷ trọng đóng góp của ngành dịch vụ logistics vào GDP đạt 8% - 10%, tốc độ tăng trưởng dịch vụ đạt 15% - 20%, tỷ lệ thuê ngoài dịch vụ logistics đạt 50% - 60%, chi phí logistics giảm xuống tương đương 16% - 20% GDP, xếp hạng theo chỉ số năng lực quốc gia về logistics (LPI) trên thế giới đạt thứ 50 trở lên. Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

I. NHIỆM VỤ TỔNG THỂ

Các bộ, ngành và địa phương, theo chức năng và nhiệm vụ được giao có chương trình cụ thể thực hiện kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2017 với 06 nhóm nhiệm vụ chính:

1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về dịch vụ logistics.
2. Nâng cao năng lực kết cấu hạ tầng logistics.
3. Nâng cao năng lực doanh nghiệp và chất lượng dịch vụ.
4. Phát triển thị trường dịch vụ logistics.

5. Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

6. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của dịch vụ logistics đối với sự phát triển của đất nước.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Bộ Giao thông vận tải:

a) Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách, cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục kiểm tra chuyên ngành, cụ thể như sau:

- Khẩn trương rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh; thu hút các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh các loại hình vận tải và dịch vụ vận tải đa phương thức. Cắt giảm ít nhất 50% điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực giao thông vận tải; hoàn thành nhiệm vụ về đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo yêu cầu tại Quyết định 2026/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể như: các nghị định quy định về điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ lai dắt tàu biển, vận tải đường thủy nội địa, vận tải đường sắt;

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống công nghệ thông tin trong các lĩnh vực giao thông vận tải để tham gia triển khai hiệu quả Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN, góp phần tạo thuận lợi thương mại và tăng cường khả năng cạnh tranh quốc gia;

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành rà soát, sửa đổi chính sách thuế, phí, giá dịch vụ để tạo thuận lợi cho hoạt động logistics; giảm tối đa thủ tục kiểm tra chuyên ngành, cải cách thủ tục hành chính mạnh mẽ tại các cảng biển, cảng thủy nội địa, nhà ga, sân bay... để giảm thời gian làm thủ tục, thông quan.

b) Nâng cao chất lượng công tác lập và tổ chức thực hiện quy hoạch:

Rà soát các quy hoạch, kế hoạch, đảm bảo tính đồng bộ kết nối của hạ tầng giao thông và dịch vụ vận tải với mục tiêu phát triển ngành dịch vụ logistics; bảo đảm các quy hoạch, kế hoạch giao thông vận tải phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của các vùng kinh tế trọng điểm và của từng khu vực, địa phương, gắn kết quy hoạch về trung tâm logistics, cảng cạn, kho ngoại quan trong một tổng thể thống nhất.

c) Tăng cường kết nối, phát triển hợp lý các phương thức vận tải, phát huy tối đa vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics:

- Tăng cường kết nối các phương thức vận tải, giảm chi phí, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải;

- Đẩy mạnh tái cơ cấu thị trường vận tải nội địa, giảm thị phần vận tải bằng đường bộ, tăng thị phần vận tải bằng đường biển, đường sắt và đường thủy nội địa, đặc biệt là trên các hành lang vận tải chính.

d) Phát triển vận tải thủy nội địa và vận tải ven biển:

Ưu tiên phát triển mạnh vận tải ven biển, vận tải sông pha biển, nhằm vận chuyển hàng hóa, giảm tải cho đường bộ, đồng thời tận dụng hiệu quả điều kiện tự nhiên sẵn có về sông, biển để kết nối vận tải hàng hóa giữa hàng hải, đường thủy nội địa với các phương thức vận tải khác.

đ) Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư trong xây dựng kết cấu hạ tầng; đề xuất cơ chế khuyến khích, thu hút đầu tư ngoài ngân sách, huy động các nguồn lực để xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông:

- Xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và hằng năm về đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng nhằm cân đối các nguồn lực phù hợp với từng giai đoạn, phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước và của từng địa phương.

- Tổ chức khai thác tốt kết cấu hạ tầng giao thông hiện có; cân đối, bố trí các nguồn vốn đầu tư, nguồn vốn ngân sách, vốn ODA cho các dự án nhằm tăng cường khả năng kết nối giữa các phương thức vận tải, ưu tiên tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình có tính quan trọng, cấp bách;

- Phối hợp với các địa phương liên quan thu hút nguồn lực (ngân sách nhà nước, xã hội hóa) cải tạo nâng cấp hạ tầng giao thông kết nối và nâng cấp tuyến luồng Cái Mép - Thị Vải nhằm thu hút các tàu trọng tải lớn vào khu bến cảng Cái Mép - Thị Vải để cùng với khu bến cảng Lạch Huyện đảm nhận chủ yếu thị phần hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam, từng bước trở thành các khu bến cảng trung chuyển quốc tế của khu vực;

- Đầu tư xây dựng các cảng cạn với vai trò là đầu mối tổ chức vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ gắn liền với hoạt động của cảng biển, cửa khẩu đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và là mắt xích quan trọng của vận tải đa phương thức, góp phần giảm chi phí vận tải, giảm thời gian lưu hàng tại cảng, giảm ùn tắc giao thông tại cảng biển, cửa khẩu quốc tế và đô thị lớn;

- Đẩy mạnh hợp tác công tư (PPP) đối với các dự án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông; tiếp tục tranh thủ sự ủng hộ của các tổ chức quốc tế, các đối tác lớn như Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc... trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

e) Tăng cường hợp tác với các đối tác nước ngoài để mở rộng kết nối hạ tầng logistics: Mở rộng kết nối hạ tầng logistics với các nước trong khu vực ASEAN, Đông Bắc Á và các khu vực khác trên thế giới nhằm phát huy tác dụng của vận tải đa phương thức, vận tải xuyên biên giới và quá cảnh.

g) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý, khai thác vận tải: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành, khai thác vận tải, liên kết các phương thức vận tải, quản lý vận tải đa phương thức, dịch vụ logistics; phát triển sàn giao dịch vận tải, sàn giao dịch logistics.

h) Nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: Cập nhật, cải tiến nội dung chương trình đào tạo về vận tải, logistics, áp dụng phương pháp đào tạo tiên tiến, theo hướng đào tạo chuyên sâu về chuyên môn, tăng thời gian đào tạo thực hành.

i) Công tác quản lý:

- Xử lý nghiêm các vi phạm về tải trọng; quản lý việc lắp đặt, sử dụng thiết bị giám sát hành trình xe, thiết bị nhận dạng tự động, việc cấp và sử dụng phù hiệu, kê khai, niêm yết giá cước của các đơn vị vận tải...Phối hợp chặt chẽ với các địa phương trong việc quản lý, giám sát và xử lý vi phạm về hoạt động vận tải trên địa bàn để bảo đảm cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động vận tải;

- Quản lý chặt chẽ hoạt động của cảng, bến thủy nội địa và cảng biển bảo đảm theo đúng quy mô, công năng được duyệt để nâng cao hiệu quả quản lý quy hoạch, phân bổ hàng hóa hợp lý giữa các khu vực, các loại hình vận tải.

k) Nhiệm vụ cho từng lĩnh vực giao thông vận tải:

- Đường bộ:

+ Tiếp tục sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, từng bước xã hội hóa để đầu tư hình thành mạng đường bộ cao tốc quốc gia, đường chuyên dùng bảo đảm kết nối hiệu quả các khu công nghiệp, trung tâm kinh tế trọng điểm, cửa khẩu chính, đầu mối giao thông quan trọng với các cảng biển, cảng thủy nội địa, ga đường sắt;

+ Tăng cường quản lý hiệu quả các dự án, tập trung đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam; xây dựng kế hoạch, lộ trình để đẩy nhanh việc áp dụng thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức tự động không dừng, qua đó tạo sự công khai, minh bạch trong thu phí;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin: phát triển, kết nối các sàn giao dịch vận tải hành khách, hàng hóa; nghiên cứu thúc đẩy hoạt động của sàn giao dịch vận tải hàng hóa hạn chế xe chạy rỗng, đồng thời nghiên cứu hình thành sàn giao dịch chung cho các phương thức vận tải để làm cơ sở phát triển dịch vụ logistics.

- Đường sắt:

+ Triển khai dự án nâng cấp, hiện đại hóa đường sắt Bắc - Nam; nâng cao năng lực, chất lượng vận tải đường sắt và cải tạo nâng cấp, đồng bộ các tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Thái Nguyên, Hà Nội - Lạng Sơn, Hà Nội - Hạ Long; nghiên cứu phương án, lộ trình xây dựng tuyến đường sắt nối với cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng;

+ Nghiên cứu, phát triển, hình thành kết nối đường sắt với các khu công nghiệp, cảng biển, cảng cạn;

+ Xây dựng các ga đầu mối hàng hóa, nâng cấp trang thiết bị xếp dỡ hiện đại cho các ga đầu mối vận chuyển hàng hóa như Yên Viên, Đông Anh, Sóng

Thần ... theo khả năng cân đối vốn, đồng thời mời gọi các nhà đầu tư cùng hợp tác đầu tư nâng cấp kho, bãi hàng đủ tiêu chuẩn để cung cấp dịch vụ dùng chung cho tất cả các doanh nghiệp vận tải hàng hóa và khách hàng;

+ Hợp tác để có sự thống nhất với Đường sắt Trung Quốc về điểm nối ray và nghiên cứu phương án làm đường sắt khổ 1.435 mm kết nối đường sắt Trung Quốc, Ga Hà Khẩu Bắc với Ga Lào Cai để thông tuyến Đường sắt Liên vận quốc tế Côn Minh - Hải Phòng;

+ Nghiên cứu xây dựng cơ chế đặc thù về tài chính nhằm mời gọi các nhà đầu tư tham gia vào xã hội hóa kinh doanh đường sắt.

- Đường thủy nội địa:

+ Từng bước đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, tiến tới giải quyết dứt điểm các điểm nghẽn trên các hành lang vận tải thủy chính (Quảng Ninh - Hải phòng - Hà Nội, Hải Phòng - Ninh Bình, Thành phố Hồ Chí Minh - Cà Mau, vận tải thủy kết nối Cam-pu-chia) như: nâng cấp tĩnh không cầu Đuống, cầu Măng Thít, cầu Nàng Hai; nâng cao chất lượng và kết nối đồng bộ đường thủy nội địa khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long; đồng thời kết nối với cảng biển và các khu vực bên ngoài;

+ Kêu gọi xã hội hóa đầu tư xây dựng, đẩy nhanh tiến độ các dự án, công trình kho bãi, trung tâm trung chuyển, phân phối hàng hóa, các cảng đầu mối trong lĩnh vực đường thủy nội địa khu vực Hà Nội, khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, có trang thiết bị xếp dỡ hiện đại, bảo đảm kết nối đường bộ với các khu công nghiệp, các đô thị, phục vụ vận tải công-ten-nơ, hàng hoá chuyên dụng. Thực hiện Dự án Phát triển các hành lang đường thủy và logistics khu vực phía Nam bằng nguồn vốn vay ODA (trong đó bao gồm phạm vi dự án Nâng cấp tuyến kênh Chợ Gạo - Giai đoạn 2) để tăng cường năng lực kết nối khu vực Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ với khu bến cảng Cái Mép - Thị Vải. Hỗ trợ doanh nghiệp khai thác cảng nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; bố trí đầy đủ hệ thống phao tiêu, báo hiệu; ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý khai thác, bảo trì để vận tải thủy nội địa trở thành phương thức vận tải an toàn và hiệu quả;

+ Ưu tiên phát triển vận tải sông pha biển, ven biển để tận dụng tối đa các cửa sông ra biển nhằm giảm tải cho đường bộ trên trục Bắc - Nam, góp phần giảm chi phí, nâng cao sản lượng vận tải;

+ Nghiên cứu, xây dựng cơ chế khuyến khích tư nhân đầu tư vào xây dựng, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, đầu tư đóng mới, hoán cải phương tiện thủy nội địa chuyên dụng (phương tiện chở công-ten-nơ, phương tiện chở xăng dầu và các mặt hàng chuyên dụng khác, phương tiện sông pha biển).

- Hàng hải:

+ Phát triển dịch vụ vận tải biển đồng bộ với hệ thống cảng biển, tập trung khai thác hiệu quả các tuyến vận tải biển nội địa nhằm giảm tải cho đường bộ, góp phần giảm chi phí, nâng cao sản lượng vận tải. Phát huy tối đa lợi thế về vị

trí của các cảng biển, đặc biệt là cảng cửa ngõ quốc tế để thu hút các tàu trọng tải lớn vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu đi các tuyến vận tải biển xa; tăng cường hợp tác với các cơ quan quản lý cảng biển, hãng tàu biển nước ngoài để thu hút nguồn hàng thông qua Cảng biển Việt Nam;

+ Nghiên cứu, hình thành phát triển các kết nối cảng biển, hệ thống dịch vụ hỗ trợ sau cảng biển với đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa như: Nghiên cứu đầu tư khu bến cảng Liên Chiểu, Đà Nẵng phù hợp với nhu cầu vận tải và khả năng về nguồn vốn; Thực hiện các giải pháp thu hút, phân luồng hàng hóa để khai thác có hiệu quả khu bến cảng Cái Mép - Thị Vải; nghiên cứu triển khai dự án đầu tư luồng Cái Mép - Thị Vải để các tàu trọng tải đến 160.000 tấn hành hải 24/24h vào khu bến cảng Cái Mép - Thị Vải (đặc biệt là đoạn luồng từ phao số "0" đến bến cảng CMIT); đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án đầu tư xây dựng Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (Lạch Huyện) - Giai đoạn khởi động.

- Hàng không:

+ Sớm hoàn thành, trình Chính phủ và Quốc hội phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành;

+ Chuẩn bị dự án mở rộng Cảng hàng không quốc tế Nội Bài;

+ Xây dựng, phát triển các trung tâm logistics hàng không gắn liền với các cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng;

+ Đầu tư mở rộng Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, phối hợp với Thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu xây dựng cơ sở hạ tầng và tổ chức giao thông nhằm giảm thiểu tình trạng ùn tắc giao thông quanh khu vực sân bay;

+ Đẩy mạnh phát triển dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường hàng không, hình thành và phát triển đội tàu bay chuyên vận chuyển hàng hóa, phục vụ hàng không chung, khuyến khích các nhà đầu tư phát triển cảng hàng không trung chuyển hàng hóa của khu vực (như tại Chu Lai) và có cơ chế để thu hút các hãng hàng không mở tuyến bay chở hàng đến các cảng này.

2. Bộ Công Thương:

a) Tiếp tục chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp, cơ chế, chính sách để thực hiện có hiệu lực, hiệu quả Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025 theo Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ;

b) Tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành liên quan (Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư...) và các địa phương rà soát các quy hoạch, kế hoạch, bảo đảm tính đồng bộ và phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội chung;

c) Tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành liên quan (đặc biệt là Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính...) hoàn thiện chính sách đẩy mạnh thu hút đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng logistics;

d) Tập trung cải thiện cơ sở hạ tầng logistics gắn với thương mại điện tử, kết hợp logistics với thương mại điện tử theo xu hướng phát triển hiện nay trên thế giới và khu vực. Thông qua các hoạt động nhằm nâng cao năng lực doanh nghiệp, khuyến khích, hướng dẫn doanh nghiệp trong một số ngành áp dụng mô hình quản trị chuỗi cung ứng tiên tiến trong quá trình sản xuất, kinh doanh, trong đó chú trọng triển khai các hoạt động logistics trên nền tảng công nghệ thông tin và các công nghệ mới trong logistics;

đ) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tập trung kêu gọi đầu tư xây dựng các trung tâm logistics loại I tại khu vực Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, đóng vai trò kết nối Việt Nam với quốc tế (từ nay đến năm 2021); các trung tâm logistics loại II tại khu vực Lạng Sơn, Lào Cai, Hải Phòng, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Cần Thơ nhằm kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm của Việt Nam (đến năm 2023);

e) Vận động thu hút đầu tư xây dựng trung tâm logistics để thúc đẩy xuất nhập khẩu hàng hóa Việt nam với thị trường toàn cầu nhằm hình thành các trung tâm logistics ở nước ngoài làm đầu cầu, tập kết và phân phối hàng hóa Việt nam đến các thị trường quốc tế. Trong đó đối với khu vực Đông Á: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc; Châu Âu: Hà Lan, Bỉ, Italia, Nga; Châu Mỹ: Hoa kỳ, Panama, Braxin; Khu vực Nam Á, Tây Á và Châu Phi: Ấn Độ, UAE, Nam Phi (từ nay đến 2025);

g) Tiếp tục chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương có liên quan triển khai thực hiện Nghị định số 163/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ logistics;

h) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp bảo đảm tính gắn kết giữa các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng sản phẩm, giúp cho các doanh nghiệp thuận lợi trong việc tiếp cận nguồn nguyên liệu đầu vào cũng như phân phối hàng hóa đầu ra để giảm chi phí vận tải và các chi phí logistics khác.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tập trung kêu gọi đầu tư xây dựng các trung tâm logistics loại I, đóng vai trò kết nối Việt Nam với quốc tế;

b) Khuyến khích một số khu công nghiệp, khu chế xuất xây dựng hình mẫu khu công nghiệp dựa trên nền tảng logistics;

c) Hoàn thiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp dịch vụ logistics;

d) Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê và thu thập dữ liệu thống kê về logistics;

đ) Ban hành mã số đăng ký kinh doanh theo nhóm ngành cho dịch vụ logistics;

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách để thực hiện các dự án giao thông kết nối đến các cảng biển, cảng thủy nội địa, ưu tiên các dự án cấp bách;

g) Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành có liên quan sớm ban hành mã số đăng ký kinh doanh theo nhóm ngành cho dịch vụ logistics và hình thành bộ chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh logistics phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

4. Bộ Tài chính:

a) Nghiên cứu xây dựng chính sách thuế, phí, giá dịch vụ để tạo điều kiện cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức;

b) Đẩy mạnh áp dụng Cơ chế Một cửa Quốc gia, áp dụng Cơ chế Một cửa Quốc gia cho tất cả các thủ tục liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu, quá cảnh, người và phương tiện vận tải xuất nhập cảnh, quá cảnh.

5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy mạnh việc tạo thuận lợi và rút ngắn công đoạn kiểm tra chuyên ngành tại các cảng biển để giải phóng, thông quan hàng hóa nhanh; bố trí các cơ quan kiểm tra chuyên ngành kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật thường trực tại các cảng Cái Mép - Thị Vải.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các bộ, ngành có liên quan chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học triển khai đào tạo nguồn nhân lực chuyên nghiệp, có trình độ cao đáp ứng nhu cầu thực tế hoạt động dịch vụ logistics tại Việt Nam và thế giới.

7. Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí có tôn chỉ, mục đích phù hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến các tổ chức, cá nhân về tầm quan trọng của dịch vụ logistics đối với sự phát triển của đất nước.

8. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chủ động thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam với các đối tác nước ngoài nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp thành viên tìm kiếm đối tác tiềm năng, mở rộng mạng lưới logistics; trao đổi thông tin, kinh nghiệm phát triển dịch vụ giữa các Phòng Thương mại, Công nghiệp.

9. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Dành quỹ đất thích hợp để xây dựng trung tâm phân phối hàng hóa, dịch vụ hậu cảng, cảng cạn, kết nối thuận tiện với mạng lưới giao thông quốc gia để từng bước tạo thành mạng lưới kết cấu hạ tầng logistics hiện đại;

b) Căn cứ định hướng phát triển và thực tế điều kiện tại địa phương, chủ động phối hợp với các bộ, ngành tổ chức kêu gọi đầu tư xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống logistics trên địa bàn.

10. Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam, Hiệp hội Chủ hàng Việt Nam, các Hiệp hội ngành hàng liên quan căn cứ quy định của pháp luật, chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền và chức năng, nhiệm vụ để định hướng thay đổi hành vi trong thương mại quốc tế, gắn kết giữa doanh nghiệp chủ hàng và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics, thay đổi điều kiện giao hàng "mua CIF, bán FOB", nâng cao ý thức của doanh nghiệp chủ hàng, tạo cơ sở cho

doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam tham gia vào nhiều công đoạn trong chuỗi cung ứng với hàm lượng giá trị gia tăng ngày càng cao.

11. Các bộ, ngành, địa phương, Hiệp hội liên quan tiếp tục rà soát, thực hiện các nhiệm vụ cụ thể nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics đến năm 2025 theo Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics đến năm 2025.

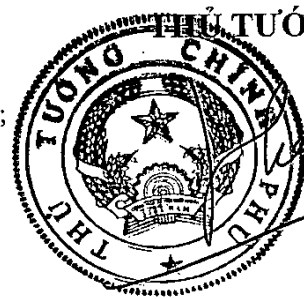
12. Các doanh nghiệp logistics trong nước cần tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại theo xu hướng hình thành ngành logistics trong cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0 để nâng cao sức cạnh tranh, nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm giá, phí các dịch vụ.

Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan định kỳ tổ chức sơ kết đánh giá, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình triển khai thực hiện Chỉ thị này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, doanh nghiệp nêu trên có trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các Thành viên Ủy ban ATGT Quốc gia;
- Ủy ban ATGT Quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, CN (3). *110*



Nguyễn Xuân Phúc